

Số: 134 /KH-UBND

Gia Lâm, ngày 28 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2025 - 2026 trên địa bàn huyện Gia Lâm

Thực hiện Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Công văn số 606/UBND-KGVX ngày 24/02/2025 về việc công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6, lớp 10 THPT năm học 2025-2026; Công văn số 759/SGDĐT-QLT ngày 14/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2025-2026; UBND huyện Gia Lâm ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2025-2026 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế tuyển sinh, đảm bảo chính xác, an toàn, công bằng và nghiêm túc; hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh trên một lớp. Tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày. Tổ chức phân tuyến hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh.

3. Phân đầu huy động ít nhất 55% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 99% trẻ em độ tuổi mẫu giáo đi học. Ít nhất 80% trẻ khuyết tật ở thể nhẹ trong độ tuổi mầm non được học hòa nhập; 100% trẻ 6 tuổi đủ sức khỏe được vào lớp 1; 100% học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học được vào học lớp 6.

4. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở các trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo “năm rõ”: rõ tuyến

tuyển sinh, rõ chỉ tiêu tuyển sinh, rõ thời gian tuyển sinh, rõ phương thức tuyển sinh và rõ trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

5. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

6. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cơ quan cấp trên trực tiếp; Thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

- Các trường mầm non, tiểu học và THCS phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức điều tra số trẻ ở từng độ tuổi đi học trên địa bàn, đảm bảo số liệu chính xác phục vụ cho phân tuyến tuyển sinh. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là cơ sở để Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

- Các căn cứ để xây dựng kế hoạch tuyển sinh:

- + Kết quả điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn;
- + Tình hình thực tế về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên;
- + Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Các trường chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2025 - 2026, báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

II. TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, LỚP 1, LỚP 6

1. Tuyển sinh vào các trường mầm non

1.1. Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, tuyến tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ mầm non ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

1.2. Các trường phối hợp với UBND xã, thị trấn; các đơn vị khác trên địa bàn tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tổ dân phố, thôn, xóm về công tác tuyển sinh trong đó nêu rõ tuyến tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyến tuyển sinh quy định. Đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn.

1.3. Số trẻ trong một nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ trường mầm non. Trường hợp số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo theo qui định.

1.4. Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu M02) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

1.5. Các trường Mầm non tuyển đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

2. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6

2.1. Địa bàn tuyển sinh: theo tuyến tuyển sinh do UBND huyện phân tuyến cho các trường (Có biểu kèm theo).

2.2. Đối tượng tuyển sinh vào lớp 6: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học.

2.3. Tuổi tuyển sinh:

a) Lớp 1: Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2019). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

b) Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2014)

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi qui định.

2.4. Phương thức tuyển sinh: Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyến tuyển sinh do UBND huyện quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

2.5. Hồ sơ tuyển sinh:

a) Lớp 1:

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 1 (theo M2) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

b) Lớp 6:

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 6 (*theo M2*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.
- Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ.
- Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có).
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

2.6. Tuyển sinh vào các trường ngoài công lập

- Không phân tuyến tuyển sinh đối với các trường ngoài công lập. Tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn của mỗi trường, nhà trường xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý theo đúng quy định, báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo để trình UBND huyện phê duyệt.

- Căn cứ vào cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhà trường đề xuất Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện phê duyệt giao chỉ tiêu tuyển sinh cho trường.

- Các trường phải niêm yết công khai thủ tục nhập học, quyền và nghĩa vụ của học sinh, cha mẹ học sinh trước khi làm thủ tục nhập học cho học sinh. Các trường tuyệt đối không được tuyển sinh trước thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Thời gian tuyển sinh

3.1. Cấp Mã tuyển sinh: Các trường mầm non, tiểu học, THCS phải hoàn thành việc cấp Mã tuyển sinh cho cha mẹ học sinh **trước ngày 31/5/2025**. Mã tuyển sinh là Mã học sinh trên cơ sở dữ liệu Ngành (*hoặc Số định danh cá nhân của học sinh*) kèm mật khẩu trên cơ sở dữ liệu Ngành.

3.2. Thời gian tuyển sinh

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:
 - + Tuyển sinh vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 03/7/2025;
 - + Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: Từ ngày 04/7/2025 đến hết ngày 06/7/2025;
 - + Tuyển sinh vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2025 đến hết ngày 09/7/2025.
- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 12/7/2025 đến hết ngày 18/7/2025.

4. Lưu ý

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha (mẹ) hoặc người giám hộ của học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2025.

- Các trường ngoài công lập tuyển sinh ngay sau khi kết thúc năm học, cụ thể là bắt đầu từ ngày 31/5/2025 đến hết ngày 12/7/2025; các trường thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết hợp với kiểm tra, đánh giá năng lực: lựa chọn thời gian kiểm tra, đánh giá năng lực hợp lý đảm bảo hoàn thành chậm nhất vào ngày 30/6/2025.

- Sau ngày 18/7/2025, những trường tuyển sinh chưa đủ chỉ tiêu được giao phải báo cáo UBND huyện (*qua Phòng Giáo dục và Đào tạo*); căn cứ vào tình hình cụ thể của từng trường, UBND huyện cho phép trường được tuyển sinh bổ sung học sinh cho đủ chỉ tiêu từ ngày 21/7/2025 đến ngày 22/7/2025; riêng đối với các trường mầm non được tuyển sinh đến khi đủ chỉ tiêu được giao.

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (*theo mẫu M03 đính kèm*) các học sinh dự tuyển năm học 2025-2026 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn để rà soát, xác thực (*tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh*); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định.

- Các trường cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống số điểm điện tử chậm nhất ngày 23/7/2025.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phân công trách nhiệm

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các nhà trường phối hợp với UBND các xã, thị trấn điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; rà soát danh sách xã, tổ thôn, các khu dân cư, đô thị mới đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyển tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; phân tuyển tuyển sinh hợp lý trên địa bàn, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyển tuyển sinh.

- Tổng hợp nhu cầu tuyển sinh của các trường trên địa bàn, tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT, báo cáo Sở GDĐT về kế hoạch tuyển sinh đã được UBND huyện phê duyệt.

- Triển khai kế hoạch tuyển sinh. Tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh cho Hiệu trưởng các trường trên địa bàn.

- Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường.

- Công khai việc phân tuyển tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên cổng thông tin điện tử của Ngành và phối hợp với UBND xã, thị trấn tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

- Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyển của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học sinh/lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban, ngành và tham mưu UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (đối với những địa phương chưa đủ phòng học theo quy định), tăng cường CSVC cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều giữa các trường. Không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường.

- Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2025-2026 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về công tác tuyển sinh.

2. Các trường mầm non, tiểu học, THCS

- Chủ động phối hợp với UBND và Công an các xã, thị trấn tổ chức điều tra số trẻ ở từng độ tuổi đi học trên địa bàn được phân công và xác minh, làm rõ thông tin cư trú đối với những trường hợp phát sinh trong quá trình tuyển sinh; chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2025-2026 của trường, báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo. Tham gia đầy đủ Hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn.

- Căn cứ vào kết quả điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn; căn cứ tình hình thực tế về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên, các trường chủ động xây dựng dự thảo kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2025-2026 của trường, báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo. Lưu ý: Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh phải khớp với số học sinh điều tra được trên địa bàn huyện.

- Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện phân tuyển; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng GDĐT, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

- Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tự kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh, trong đó có thông tin về cư trú của học sinh (*gồm Số định danh cá nhân của học sinh, nơi thường trú, nơi ở hiện tại,... theo mẫu M01 đính kèm*); không yêu cầu phải cung cấp Giấy xác nhận thông tin cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân của học sinh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về công tác tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VneID mức 2 để cung cấp thông tin về cư trú cho học sinh (*sử dụng VneID của bố hoặc mẹ hoặc thành viên hộ gia đình có học sinh đăng ký tuyển sinh*).

6. Tổ chức cấp Mã tuyển sinh cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin Mã tuyển sinh và mật khẩu; chịu trách nhiệm đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về Mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

- Mỗi trường tham mưu đề xuất Hội đồng tuyển sinh trình cơ quan quản lý trực tiếp ra Quyết định thành lập (các trường trực thuộc huyện trình Trường phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) thành phần Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số Ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức tuyển sinh:

+ Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, Số định danh cá nhân...trong Giấy khai sinh, Học bạ (*đối với lớp 6*). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi xác nhận vào mặt sau bản sao Giấy khai sinh: **“Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh”**, sau đó ký và ghi rõ họ tên; Hiệu trưởng (*Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh*) ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, văn bằng, chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

+ Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

+ Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

- Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

- Bảo mật thông tin cá nhân của các học sinh dự tuyển năm học 2025-2026 và thông tin các học sinh khác của nhà trường theo đúng quy định.

- Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với phòng GDĐT.

3. Công an xã, thị trấn

- Chủ động phối hợp với các nhà trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các nhà trường được chính xác và khoa học.

- Phối hợp, tạo điều kiện cho các nhà trường tổ chức điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn đảm bảo chính xác, làm cơ sở để phân tuyển tuyển sinh một cách khoa học. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được Công an xã, thị trấn xác thực (theo mẫu M02) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyển tuyển sinh.

- Tăng cường phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm tra về tuyển sinh trên địa bàn; đảm bảo công tác tuyển sinh trên địa bàn được ổn định, an toàn, khách quan, minh bạch.

4. Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện

- Phối hợp điều tra số trẻ trên địa bàn, xác nhận kế hoạch tuyển sinh của các trường; giám sát công tác tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã, thị trấn.

- Có trách nhiệm tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác tuyển sinh, phối hợp với các ngành đảm bảo an ninh, trật tự trong thời gian tuyển sinh.

II. Lịch triển khai và chế độ báo cáo

Thời gian	Đơn vị	Nội dung
Trước 25/03/2025	Trường MN, TH, THCS	Nộp kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 và danh sách học sinh trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn (danh sách có xác nhận của UBND và Công an xã, thị trấn) về Phòng GDĐT

		Gửi công văn đề nghị Danh sách hội đồng tuyển sinh về Phòng GDĐT (đã hoàn thành)
Ngày 28/03/2025	Phòng GDĐT	Nộp kế hoạch tuyển sinh của huyện về Sở GDĐT.
Ngày 29/3/2025	Phòng GDĐT	Công bố kế hoạch tuyển sinh của huyện trên Cổng thông tin.
Chậm nhất 31/3/2025	Trường MN, TH, THCS	Rà soát hoàn thiện thông tin học sinh phục vụ tuyển sinh trên hệ thống CSDL ngành (<i>Số định danh cá nhân của học sinh, họ tên, ngày sinh, nơi sinh, nơi cư trú...</i>) Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh.
Ngày 30/5/2025	Phòng GDĐT	Hoàn thành cập nhật phân tuyến và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trên địa bàn Huyện vào hệ thống TS trực tuyến; tổ chức kiểm dò, in, ký xác nhận và nộp về Sở GD&ĐT.
Ngày 31/5/2025	Trường MN, TH, THCS	Nhận tại Phòng GDĐT Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh.
Trước 31/5/2025	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thành cấp mã số học sinh (<i>kèm mật khẩu</i>) cho cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh
Từ 31/5/2025 đến 12/7/2025	Trường ngoài công lập	Tổ chức tuyển sinh và cập nhật trực tiếp hồ sơ học sinh lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.
Từ 08/6/2025- 10/6/2025	Sở GDĐT, Phòng GDĐT	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến (<i>lần 1</i>)
Trước 14/6/2025	Phòng GDĐT	Hoàn thiện cập nhật điều chỉnh phân tuyến, chỉ tiêu trong hệ thống tuyển sinh (<i>nếu có</i>)
Từ 15/6/2025- 17/6/2025	Sở GDĐT, Phòng GDĐT, các trường, CMHS	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (<i>lần 2</i>) Sở GDĐT đóng hệ thống tuyển sinh trực tuyến từ 18/6 đến 30/6 để chuẩn bị vận hành chính thức.
Từ 01/7/2025- 09/7/2025	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tuyến đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyến: - Tuyển sinh vào lớp 1: từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 03/7/2025.

		- Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: từ ngày 04/7/2025 đến hết ngày 06/7/2025. - Tuyển sinh vào lớp 6: từ ngày 07/7/2025 đến hết ngày 09/7/2025.
Từ 12/7/2025-18/7/2025	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1, lớp 6 đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyển.
Chậm nhất Ngày 19/7/2025	Trường MN, TH, THCS	Phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn hoàn thành việc xác minh thông tin cư trú của học sinh cần xác minh. Báo cáo phòng GDĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu. Báo cáo nhanh Sở GDĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất tuyển sinh bổ sung cho các trường còn chỉ tiêu.
Từ 21/7/2025-22/7/2025	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 (đợt bổ sung - nếu có).
Chậm nhất Ngày 23/7/2025	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm sổ điểm điện tử.
Ngày 25/7/2025	Trường MN, TH, THCS	Nộp Phòng GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh
Ngày 31/7/2025	Phòng GDĐT	Nộp Sở GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 trên địa bàn huyện Gia Lâm năm học 2025-2026. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị kịp thời báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- UBND, Công an các xã, thị trấn;
- Các bộ phận phòng GDĐT;
- HĐTS trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, PGDĐT(5).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trương Văn Học

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Kế hoạch số 134 KH-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường MN	Số trẻ qua điều tra trên địa bàn					Số trẻ hiện có trong trường của năm học 2024-2025					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2025-2026					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)
			NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	Tổng	NT	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng	NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	Tổng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Công lập	1	Phù Đồng	206	177	237	247	867	0	108	170	207	485	105	53	35	20	213	Xã Phù Đồng: Thôn Phù Dực 1, Thôn Phù Dực 2, Thôn Phù Đồng 1, Thôn Phù Đồng 2, Thôn Phù Đồng 3, Thôn Đồng Viên
	2	TT Yên Viên	121	149	171	205	646		41	73	100	214	52	34	17	9	112	Thị trấn Yên Viên: Tổ Ga, Văn, Liên Cơ, Tiền Phong, Yên Hà, Yên Tân
	3	Ánh Dương	112	125	120	127	484	0	56	93	90	239	54	40	9	5	108	Xã Yên Viên: Cống Thôn; Kim Quan, Hồ Cầu Đuồng, Cơ Khi Yên Viên; TT Yên Viên: Tổ Ga; Tổ Thái Bình, Đuồng I, Đuồng II
	4	Hoa Sữa	187	142	185	185	699	0	52	90	79	221	75	28	10	20	133	Xã Yên Viên: Thôn Ái Mộ, Yên Viên, Lã Côi, TDP Bưu Điện, TDP Địa Chất, TDP Hồ Cầu Đuồng, Đầu Máy, Hóa Chất
	5	Đình Xuyên	156	162	156	170	644	0	91	108	130	329	90	45	40	6	181	Xã Thiên Đức: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, Tê Xuyên 1, Tê Xuyên 2
	6	Dương Hà	92	110	112	105	419	11	64	84	98	257	43	38	22	4	107	Xã Thiên Đức: Thôn Thương, Thôn Trung, Thôn Hà
	7	Yên Thương	90	95	95	120	400	0	69	88	129	286	63	40	17	6	126	Xã Yên Thương: Thôn Xuân Dục, Lai Hoàng, Yên Khê, Liên Đàm
	8	Hoa Hồng	61	59	81	121	322	0	55	80	104	239	55	28	25	6	114	Xã Yên Thương: Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Yên Thương, Dốc Lã, Quy Mông, Trùng Quán
	9	Ninh Hiệp	160	175	160	183	678	36	66	97	115	314	50	64	23	5	142	Xã Ninh Hiệp: Thôn 1,2,3,4,5,6
	10	Bình Minh	155	168	148	185	656	0	62	110	145	317	70	63	40	5	178	Xã Ninh Hiệp: Thôn 5,6,7,8,9
	11	Dương Xá	148	131	188	224	691	0	79	141	154	374	75	31	15	8	129	Xã Dương Xá: Yên Bình, Dương Đanh, Dương Đình, Dương đá, Nội thương, Tổ DP đường 5, Thuận Tiến, Thuận Quang
	12	Kim Sơn	176	187	215	230	808	4	65	131	168	368	50	45	30	25	150	Xã Phú Sơn: Thôn Kim Sơn, Thôn Giao Tự, Thôn Giao Tất, Thôn Linh Quy, Đường 181.
	13	Dương Quang	134	155	180	205	674	0	74	159	193	426	75	64	21	12	172	Xã Dương Quang
	14	Phú Thị	135	140	160	152	587	14	50	87	136	287	66	58	43	16	183	Xã Phú Sơn: Thôn Phú Thụy, Đại Bản, Tô Khê, Hân Lạc, Trần Táo
	15	Trung Mẫu	86	83	108	110	387	8	61	78	82	229	20	21	20	5	66	Xã Phù Đồng: Thôn Trung Mẫu 1; Thôn Trung Mẫu 2; Thôn Trung Mẫu 3; Thôn Thịnh Liên
	16	Cổ Bi	185	211	222	247	865	18	62	103	117	300	64	75	30	10	179	Xã Cổ Bi: Thôn Cam 1, thôn cam 2, thôn Vàng 1, thôn Vàng 2, thôn Hội , tổ dân phố cơ Khi
	17	Trâu Quỳ	251	235	253	306	1045	0	60	131	167	358	80	40	59	23	202	Thị trấn Trâu Quỳ: TDP An lạc, TDP Chính trung, TDP Cửu Việt, TDP Kiên Thành, TDP Nông Lâm, TDP Thành Trung, TDP Vườn Dâu, khu đô thị ocean park thuộc TT Trâu Quỳ.
	18	Quang Trung	73	84	139	141	437	0	30	73	90	193	27	25	27	25	104	Thị trấn Trâu Quỳ: TDP Cửu Việt, TDP Đào Nguyên, TDP An Đào, TDP Nông Lâm, khu đô thị ocean park thuộc TT Trâu Quỳ.
	19	Đặng Xá	286	287	290	309	1172	6	58	124	129	317	75	67	26	11	179	Xã Đặng Xá: Thôn An Đà, Cự Đà, Đặng, Hoàng Long, Lờ, Lờ, Kim Âu, Nhân Lễ, Đồng Xuyên, Viên Ngoại và các TDP khu đô thị Đặng Xá
	20	Ánh Sao	286	287	290	309	1172	0	43	107	120	270	50	67	15	20	152	Xã Đặng Xá: Các tổ dân phố thuộc khu đô thị Đặng Xá

Loại hình	TT	Tên trường MN	Số trẻ qua điều tra trên địa bàn					Số trẻ hiện có trong trường của năm học 2024-2025					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2025-2026					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)
			NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	Tổng	NT	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng	NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	Tổng	
	21	Hoa Phượng	162	148	152	165	627	0	35	66	105	206	45	48	30	10	133	Xã Cổ Bi: Các TDP khu đô thị Đặng Xá; Thị trấn Trâu Quy; TDP Voi Phục, Bình Minh, Kiên Trung
	22	Lệ Chi	157	158	165	177	657	4	76	137	166	383	96	54	28	11	189	Xã Lệ Chi
	23	Vân Đức	95	86	102	122	405	0	74	92	121	287	95	10	10	1	116	Xã Kim Đức: Thôn Trung Quan 1, Thôn Trung Quan 2, Thôn Trung Quan 3, Thôn Sơn Hồ, Thôn Chử Xá
	24	Đa Tốn	177	121	147	170	615	3	71	120	167	361	78	35	12	3	128	Xã Đa Tốn: Thôn Thuận Tốn, Đào Xuyên, Khoan Tể
	25	Sao Khuê	120	145	184	155	604	0	71	123	132	326	80	64	47	23	214	Xã Đa Tốn: Thôn Lê Xá, Thôn Ngọc Động; Khu đô thị Vinhomes Ocean Park
	26	Đồng Dư	103	115	120	120	458	0	67	99	112	278	84	40	10	8	142	Xã Bát Trảng: Các thôn thuộc xã Đồng Dư cũ
	27	Bát Trảng	140	110	103	132	485	0	57	102	137	296	80	50	35	10	175	Xã Bát Trảng: các thôn thuộc xã Bát Trảng cũ
	28	Kim Lan	105	108	106	108	427	25	63	97	98	283	29	20	9	10	68	Xã Kim Đức: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5
	29	Kiều Kỳ	114	152	156	194	616	0	67	99	136	302	75	15	31	4	125	Xã Kiêu Kỳ
Tổng Công lập			4273	4305	4745	5224	18547	129	1827	3062	3727	8745	1901	1262	736	321	4220	
Ngoài CL	1	MN A						11	16	14	9	50	15	10	10	5	40	
	2	MN TT Hoa Hồng						20	18	26	33	97	20	10	10	10	50	
	3	MN Ban Mai						22	17	19	19	77	22	10	15	5	52	
	4	MN Sao Mai						27	30	21	18	96	25	10	12	5	52	
	5	MN Hoa Sen						10	9	8	6	33	10	12	14	5	41	
	6	MN Vinschool Ocean Park						83	63	85	89	320	90	30	25	5	150	
		MN Vinschool Ocean Park 2						53	118	171	204	546	50	75	42	10	177	
Tổng Ngoài CL			0	0	0	0	0	173	66	79	102	1219	232	157	128	45	385	
Tổng Huyện			4273	4305	4745	5224	18547	302	1893	3141	3829	9964	2133	1419	864	366	4605	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Gia Lâm)

TT	Trường	Tổng số lớp					Số trẻ tuyển mới					TS sau tuyển sinh	Tỷ lệ trẻ/lớp				Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực
		NT	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng số	NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	Tổng số		NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	
1	Phù Đồng	4	6	6	6	22	105	53	35	20	213	706	26.3	26.8	34.2	37.8	Xã Phù Đồng: Thôn Phù Dực 1, Thôn Phù Dực 2, Thôn Phù Đồng 1, Thôn Phù Đồng 2, Thôn Phù Đồng 3, Thôn Đồng Viên
2	TT Yên Viên	2	3	3	3	11	52	34	17	9	112	326	26.0	25.0	30.0	36.3	Thị trấn Yên Viên: Tổ Ga, Vân, Liên Cơ, Tiền Phong, Yên Hà, Yên Tân
3	Ánh Dương	2	4	3	3	12	54	40	9	5	108	347	27.0	24.0	34.0	31.7	Xã Yên Viên: Cống Thôn; Kim Quan; Hồ Cầu Đuống, Cơ Khí Yên Viên; TT Yên Viên: Tổ Ga; Tổ Thái Bình, Đuống I, Đuống II
4	Hoa Sữa	3	3	3	3	12	75	28	10	20	133	354	25.0	26.7	33.3	33.0	Xã Yên Viên: Thôn Ái Mộ, Yên Viên, Lã Côi, TDP Bưu Điện, TDP Địa Chất, TDP Hồ Cầu Đuống, Đầu Máy, Hóa Chất
5	Đình Xuyên	3	5	5	5	18	90	45	40	6	181	500	26.7	27.2	29.6	27.2	Xã Thiên Đức: Thôn 1, thôn 2, thôn 3; Tế Xuyên 1, Tế Xuyên 2
6	Dương Hà	2	4	4	3	13	43	38	22	4	107	364	27.0	25.5	26.5	34.0	Xã Thiên Đức: Thôn Thượng, Thôn Trung, Thôn Hạ
7	Yên Thường	3	4	4	4	15	63	40	17	6	126	412	21.0	27.3	26.3	33.8	Xã Yên Thường: Thôn Xuân Dục, Lại Hoàng, Yên Khê, Liên Đàm
8	Hoa Hồng	2	3	4	4	13	55	28	25	6	114	353	27.5	27.7	26.3	27.5	Xã Yên Thường: Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Yên Thường, Dốc Lã, Quy Mông, Trùng Quán
9	Ninh Hiệp	4	5	4	4	17	50	64	23	5	142	456	21.5	26.0	30.0	30.0	Xã Ninh Hiệp: Thôn 1,2,3,4,5,6
10	Bình Minh	3	5	5	4	17	70	63	40	5	178	495	23.3	25.0	30.0	37.5	Xã Ninh Hiệp: Thôn 5,6,7,8,9
11	Dương Xá	3	4	5	5	17	75	31	15	8	129	503	25.0	27.5	31.2	32.4	Xã Dương Xá: Yên Bình, Dương Đanh, Dương Đình, Dương đá, Nội thương, Tổ DP đường 5, Thuận Tiến, Thuận Quang
12	Kim Sơn	2	4	5	5	16	50	45	30	25	150	518	27.0	27.5	32.2	38.6	Xã Phú Sơn: Thôn Kim Sơn, Thôn Giao Tự, Thôn Giao Tất, Thôn Linh Quy, Đường 181.
13	Dương Quang	3	6	5	6	20	75	64	21	12	172	610	25.0	25.0	36.0	34.2	Xã Dương Quang
14	Phú Thị	3	4	4	5	16	66	58	43	16	183	470	27.0	27.0	32.5	30.4	Xã Phú Sơn: Thôn Phú Thụy, Đại Bản, Tô Khê, Hàn Lạc, Trần Tảo
15	Trung Mẫu	1	3	3	3	10	20	21	20	5	66	295	28.0	27.3	32.7	29.0	Xã Phù Đồng: Thôn Trung Mẫu 1; Thôn Trung Mẫu 2; Thôn Trung Mẫu 3; Thôn Thịnh Liên
16	Cô Bi	3	5	4	4	16	64	75	30	10	179	479	27.3	27.4	33.3	31.8	Xã Cô Bi: Thôn Cam 1, thôn cam 2, thôn Vàng 1, thôn Vàng 2, thôn Hội, TDP Cơ Khí
17	Trâu Quỳ	3	4	6	5	18	80	40	59	23	202	560	26.7	25.0	31.7	38.0	Thị trấn Trâu Quỳ: TDP An lạc, TDP Chính trung, TDP Cứu Việt, TDP Kiên Thành, TDP Nông Lâm, TDP Thành Trung, TDP Vườn Dâu, Các tòa chung cư thuộc khu đô thị Vinhomes Ocean park

TT	Trường	Tổng số lớp					Số trẻ tuyển mới					TS sau tuyển sinh	Tỷ lệ trẻ/lớp				Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực
		NT	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng số	NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	Tổng số		NT	Trẻ 3 tuổi	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 5 tuổi	
18	Quang Trung	1	2	3	4	10	27	25	27	25	104	297	27.0	27.5	33.3	28.8	Thị trấn Trâu Quý: TDP Cửu Việt, TDP Đào Nguyên, TDP An Đào, TDP Nông Lâm, Các tòa chung cư thuộc khu đô thị Vinhomes Ocean park
19	Đặng Xá	3	5	5	4	17	75	67	26	11	179	496	27.0	25.0	30.0	35.0	Xã Đặng Xá: Thôn An Đà, Cự Đà, Đặng, Hoàng Long, Lờ, Lờ, Kim Âu, Nhân Lễ, Đồng Xuyên, Viên Ngoại và các TDP khu đô thị Đặng Xá
20	Ánh Sao	2	4	4	4	14	50	67	15	20	152	422	25.0	27.5	30.5	35.0	Xã Đặng Xá: Các tổ dân phố thuộc khu đô thị Đặng Xá
21	Hoa Phượng	2	3	3	3	11	45	48	30	10	133	339	22.5	27.7	32.0	38.3	Xã Cồ Bi: Các TDP khu đô thị Đặng Xá; Thị trấn Trâu Quý: TDP Voi Phục, Bình Minh, Kiên Trung
22	Lệ Chi	4	5	5	6	20	96	54	28	11	189	572	25.0	26.0	33.0	29.5	Xã Lệ Chi
23	Văn Đức	4	3	3	4	14	95	10	10	1	116	403	23.8	28.0	34.0	30.5	Xã Kim Đức: Thôn Trung Quan 1. Thôn Trung Quan 2, Thôn Trung Quan 3, Thôn Sơn Hồ, Thôn Chử Xá
24	Đa Tồn	3	4	4	5	16	78	35	12	3	128	507	27.0	26.5	33.0	37.6	Xã Đa Tồn: Thôn Thuận Tồn, Đào Xuyên, Khoan Tế
25	Sao Khuê	3	5	5	4	17	80	64	47	23	214	540	26.7	27.0	34.0	38.8	Xã Đa Tồn: Thôn Lê Xá, Thôn Ngọc Động; Khu đô thị Vinhomes Ocean Park
26	Đồng Dư	3	4	3	3	13	84	40	10	8	142	426	28.0	26.8	36.3	40.0	Xã Bát Trảng: Các thôn thuộc xã Đồng Dư cũ
27	Bát Trảng	3	4	5	5	17	80	50	35	10	175	471	26.7	26.8	27.4	29.4	Xã Bát Trảng: Thôn Giang Cao, thôn Bát Trảng
28	Kim Lan	2	3	4	3	12	29	20	9	10	68	412	27.0	27.7	26.5	36.0	Xã Kim Đức: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, Gia Lâm, Hà Nội
29	Kiều Kỵ	3	3	4	4		75	15	31	4		427	25.0	27.3	32.5	35.0	Xã Kiêu Kỵ
Tổng số CL		79	117	121	121	424	1901	1262	736	321	4095	12633	28.3	29.3	33.4	34.8	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	TH Yên Thường	196	6	196	Thôn Yên Thường, Dốc Lã, Quy Mông, Trùng Quán, Yên Khê, Đình Vỹ, Đỗ Xá xã Yên Thường	32.7	
	2	TH Quang Trung	126	3	126	Thôn Xuân Dục, Liên Đàm, Lại Hoàng xã Yên Thường	42	
	3	TH Yên Viên	136	4	136	Thôn Lã Côi (TT Hòa chất, Tập thể Đầu máy, TT Bộ đội), thôn Yên Viên, thôn Ái Mộ, TDP Bưu điện, TDP Địa chất, Khu tái định cư tổ Yên Hà TT Yên Viên	34	
	4	TH TT Yên Viên	236	7	236	TDP Yên Tân, Tiền Phong, Văn, Liên Cơ, Yên Hà TT Yên Viên; TDP Yên Bình xã Thiên Đức	33.7	
	5	TH Tiền Phong	195	5	195	Thôn Kim Quan, Thôn Công Thôn, TDP Cơ khí Yên Viên, TDP Hồ Cầu Đường xã Yên Viên, TDP Thái Bình, Ga, Đường 1, Đường 2 TT Yên Viên.	39	
	6	TH Đình Xuyên	145	4	145	Xã Thiên Đức (Các tổ, thôn thuộc Xã Đình Xuyên cũ)	36.3	
	7	TH Dương Hà	109	3	109	Xã Thiên Đức (các thôn thuộc Xã Dương Hà cũ)	36.3	
	8	TH Lê Ngọc Hân	160	4	160	Thôn 6,7,8,9 Xã Ninh Hiệp	40	
	9	TH Ninh Hiệp	170	5	170	Thôn 1,2,3,4,5 xã Ninh Hiệp	34	
	10	TH Phú Đồng	246	6	246	Xã Phú Đồng: Thôn Phú Dục 1, Phú Dục 2, Phú Đồng 1, Phú Đồng 2, Phú Đồng 3, Đồng Viên	41	
	11	TH Trung Mẫu	108	3	108	Xã Phú Đồng (các thôn thuộc Xã Trung Mẫu cũ)	36	
	12	TH Lê Chi	190	6	190	Xã Lê Chi	31.7	
	13	TH Kim Sơn	241	6	241	Xã Phú Sơn (các tổ, thôn thuộc Xã Kim Sơn cũ)	40.2	
	14	TH Dương Quang	230	6	230	Xã Dương Quang	38.3	
	15	TH Phú Thị	160	4	160	Xã Phú Sơn (các tổ, thôn thuộc Xã Phú Thị cũ)	40	
	16	TH Dương Xá	244	7	244	Xã Dương Xá	34.9	
	17	TH Đặng Xá	159	4	159	Thôn Kim Âu, An Đà, Cự Đà, Đặng, Lờ, Lờ, Đồng Xuyên, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ xã Đặng Xá	39.8	
	18	TH Cổ Bi	170	5	170	Thôn Cam, Vàng, Hội, TDP cơ khí, TT230, TT Hồng Hà, TT Cầu 12 xã Cổ Bi	34	
	19	TH Trung Thành	147	4	147	TDP Khu đô thị Đặng xá thuộc xã Cổ Bi, TDP Bình Minh, Voi Phục thuộc TT Trâu Quỳ	36.8	
	20	TH Cao Bá Quát	300	7	300	Tổ dân phố khu đô thị Đặng xá thuộc xã Đặng Xá	42.9	
	21	TH Kiều Ky	217	6	217	Xã Kiều Ky	36.2	
	22	TH Đa Tốn	245	6	239	Thôn Khoan Tế, Ngọc Động, Lê Xá, khu DT Vinhomes Oceanpark thuộc xã Đa Tốn	39.8	Qua điều tra, PHHS thông tin lại con học NCL
	23	TH TT Trâu Quỳ	200	4	190	TDP: Cửu Việt, Đào Nguyên, Chính Trung, Kiên Thành, Khu 72ha dọc Hội Chính Trung, toà RuBy Vin Ocaen Park thuộc thị trấn Trâu Quỳ, Chung cư Blusta thị trấn Trâu Quỳ	47.5	Cơ sở vật chất không đáp ứng

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
	24	TH Nông Nghiệp	280	6	280	TDP: Nông Lâm, Vườn Dâu, An Đào, An Lạc, Thành Trung, toa Pavillon Vin Ocaen Park thị trấn Trâu Quỳ	46.7	
	25	TH Đông Dư	134	4	134	Xã Bát Tràng (Các thôn thuộc Xã Đông Dư cũ)	33.5	
	26	TH Bát Tràng	209	5	209	Xã Bát Tràng (các thôn thuộc xã Bát Tràng cũ)	41.8	
	27	TH Kim Lan	110	3	110	Xã Kim Đức (các thôn thuộc Xã Kim Lan cũ)	36.7	
	28	TH Văn Đức	109	3	109	Xã Kim Đức: Thôn Chử Xá, Sơn Hồ, Trung Quan 1, Trung Quan 2, Trung Quan 3 xã Kim Đức	36.3	
	29	TH Đại Hưng	156	4	156	Thôn Đào Xuyên, thôn Thuận Tồn	39	
	Tổng C.lập		5328	140	5312			
Ngoài CL	1	TH&THCS Hanoi Victoria		4	80	Toàn Thành phố	20	
	2	Vinschool Ocean		15	465	Toàn Thành phố	31	
	3	Việt Nam Ocean		2	40	Toàn Thành phố	20	
	4	TH, THCS và THPT Dewey Ocean Park		4	122	Toàn Thành phố	30.5	
	Tổng Ngoài CL		0	25	707		28.3	
Tổng Quận, Huyện			5328	165	6019		36.5	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	THCS Lệ Chi	207	5	207	Xã Lệ Chi	41.4	
	2	THCS Kim Sơn	245	5	245	Xã Phú Sơn (các tổ, thôn thuộc Xã Kim Sơn cũ)	49	
	3	THCS Phú Thị	183	4	183	Xã Phú Sơn (các tổ, thôn thuộc Xã Phú Thị cũ)	45.8	
	4	THCS Dương Quang	245	5	245	Xã Dương Quang	49	
	5	THCS Dương Xá	244	6	244	Xã Dương Xá	40.7	
	6	THCS Đặng Xá	189	5	189	Các tổ, thôn trên địa bàn xã Đặng Xá gồm: Thôn Đồng Xuyên, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ, Lờ, Lờ, Đặng, An Đà, Cự Đà, Kim Âu	37.8	
	7	THCS Cổ Bi	257	6	257	Các thôn, TDP thuộc địa bàn xã Cổ Bi. TDP Voi Phục, Bình Minh, 1 phần TDP Kiên Thành (TDP Kiên Trung cũ) thuộc thị trấn Trâu Quỳ.	42.8	
	8	THCS Cao Bá Quát	393	8	393	Các TDP Khu đô thị Đặng Xá thuộc xã Đặng Xá	44	
	9	THCS Văn Đức	121	3	121	Xã Kim Đức (các thôn thuộc Xã Văn Đức cũ)	40.3	
	10	THCS Kim Lan	120	3	120	Xã Kim Đức (các thôn thuộc Xã Kim Lan cũ)	40	
	11	THCS Bát Tràng	226	5	226	Xã Bát Tràng (các thôn thuộc xã Bát Tràng cũ)	45.2	
	12	THCS Đông Dư	123	3	123	Xã Bát Tràng (Các thôn thuộc Xã Đông Dư cũ)	41	
	13	THCS Đa Tốn	399	9	399	Xã Đa Tốn	44.3	
	14	THCS Kiều Kỵ	252	6	252	Xã Kiều Kỵ	42	
	15	THCS TT Trâu Quỳ	481	10	481	- 9 TDP thuộc TT Trâu Quỳ: An Đào; Nông Lâm; Vườn Dâu, Đào Nguyên, Cửu Việt, Thành Trung, An Lạc, Chính Trung, Kiên Thành; - Khu 31 ha, chung cư Bluestars; Khu tái định cư Dốc Hội. - Các toà chung cư tại Vins Ocean park: R1.01; R1.02; R1.03; R1.05; P1; P2; P3; P4	48.1	



Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
	16	THCS TT Yên Viên	440	10	440	- 09 TDP thuộc TT Yên Viên: Đuống I, Đuống II, Thái Bình, Ga, Vân, Yên Hà, Yên Tân, Tiền Phong, Liên Cơ - Khu TT nhà máy cơ khí Yên Viên, Khu TT Giấy da Yên Viên, thôn Kim Quan, thôn Công Thôn thuộc xã Yên Viên - TDP Yên Bình thuộc xã Thiên Đức	44	
	17	THCS Yên Viên	144	4	144	Thôn Lã Côi, thôn Ái Mộ, thôn Yên Viên, TDP Bưu điện, TDP Địa chất, TDP Hồ cầu Đuống xã Yên Viên	36	
	18	THCS Yên Thường	320	6	298	Xã Yên Thường	49.7	
	19	THCS Đình Xuyên	202	5	186	Xã Thiên Đức (Các tổ, thôn thuộc Xã Đình Xuyên cũ)	37.2	
	20	THCS Dương Hà	126	3	112	Xã Thiên Đức (các thôn thuộc Xã Dương Hà cũ)	37.3	
	21	THCS Ninh Hiệp	431	8	389	Xã Ninh Hiệp	48.6	
	22	THCS Phù Đổng	246	6	246	Xã Phù Đổng (Các thôn thuộc Xã Phù Đổng cũ)	41	
	23	THCS Trung Mậu	97	2	96	Xã Phù Đổng (các thôn thuộc Xã Trung Mậu cũ)	48	
Tổng công lập			5691	127	5596		44.1	
Ngoài CL	1	TH, THCS & THPT Brighton College Việt Nam - Ocean Park		2	50	Tuyển sinh toàn thành phố	25	
	2	TH, THCS HaNoiVictoria		2	50	Tuyển sinh toàn thành phố	25	
	3	TH, THCS & THPT Vinschool Ocean Park		11	385	Tuyển sinh toàn thành phố	35	
	4	TH, THCS và THPT Dewey Ocean Park		5	148	Tuyển sinh toàn thành phố	29.6	
Tổng ngoài CL			0	20	633		31.7	
Tổng Quận, Huyện			5691	147	6229		42.4	